

Số: 13/2020/QĐST-HNGĐ

Mèo Vạc, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2020 giữa:

Nguyên đơn: Tống Minh V, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố H, tỉnh H.

Bị đơn: Trần Thị Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện M, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Y và anh Tống Minh V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Y và anh Tống Minh V thuận tình ly hôn.

- Con chung: Anh chị nhất trí thỏa thuận :

Chị Trần Thị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tống Minh Hà A sinh ngày 04/8/2017 cho đến khi cháu đủ 18

tuổi. Anh Tổng Minh V được quyền đi lại, thăm nom con chung, chị Trần Thị Y không được ngăn cản.

Anh Tổng Minh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị Y là **2.000.000đ/tháng** (*Hai triệu đồng/tháng*), bắt đầu từ ngày 01/9/2020. Phương thức cấp dưỡng một tháng một lần.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí HNGĐ - ST: Anh Tổng Minh V tự nguyện chịu cả án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Án phí DSST: Anh Tổng Minh V chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng hai loại án phí anh Tổng Minh V phải chịu là **300.000đ** (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 03467 ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND TT Việt Quang, h. Bắc Quang)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên